

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 70/2022/DS-PT
Ngày 14 - 7 - 2022
V/v tranh chấp quyền sử dụng đất.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Anh Tuấn

Các Thẩm phán: Ông Trương Thanh Dũng
Bà Nguyễn Lệ Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Hồng Thị Xuân, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trương Trung Tín - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 7 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử công khai vụ án dân sự phúc thẩm thụ lý số 64/2022/TLPT-DS ngày 19/5/2022 về việc: “Tranh chấp quyền sử dụng đất”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 48/2022/QĐ-PT ngày 10 tháng 6 năm 2022, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Đặng Minh Đ, sinh năm 1959, (có mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1976, (vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3. Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Nguyễn Văn B, sinh năm 1953, (vắng mặt)

3.2. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1972, (vắng mặt)

3.3. Ông Trần Ngọc Th (tên gọi khác: C), sinh năm 1951, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

3.4. Ông Nguyễn Văn N, (vắng mặt)

3.5. Bà Nguyễn Thị A, sinh năm 1954, (vắng mặt)

3.6. Ông Nguyễn Văn K, sinh năm 1953, (vắng mặt)

- 3.7. Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1977, (vắng mặt)
- 3.8. Bà Nguyễn Văn Tr, sinh năm 1974, (vắng mặt)
- 3.9. Bà Nguyễn Thị G, sinh năm 1980, (vắng mặt)
- 3.10. Bà Nguyễn Thị Ch, sinh năm 1983, (vắng mặt)
- 3.11. Anh Nguyễn Trọng Ng, sinh năm 1989, (vắng mặt)
- 3.12. Anh Nguyễn Trọng O, sinh năm 1992, (vắng mặt)
- 3.13. Bà Nguyễn Thị H, sinh năm 1960, (vắng mặt)
- 3.14. Bà Nguyễn Thị Trang R, (vắng mặt)
- 3.15. Anh Nguyễn Thanh Nh, (vắng mặt)
- 3.16. Anh Nguyễn Hoàng Nh1, (vắng mặt)
- 3.17. Chị Nguyễn Kim T1, (vắng mặt)
- 3.18. Bà Nguyễn Thị L1, (vắng mặt)
- 3.19. Bà Nguyễn Thị T2, (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- *Người kháng cáo:* Nguyên đơn ông Đặng Minh Đ, sinh năm 1959

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 14/5/2019 cùng các lời khai trong quá trình tố tụng nguyên đơn ông Đặng Minh Đ trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp do ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B, khi chuyển nhượng chỉ làm giấy tay “Tờ sang đất” đề ngày 10/9/1998 có nội dung, ông Nguyễn Văn B chuyển nhượng cho ông Đặng Minh Đ phần một miếng vuông trên dưới 08 công tâm cây, còn đường nước thẳng ra sông em Đ và em T sử dụng chung. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông sử dụng và kê khai, đăng ký đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, đối với phần đất biềng hiện là đường xỏ nước đang tranh chấp, ông và ông Nguyễn Văn T sử dụng xỏ nước chung từ năm 1998 đến năm 2019 thì tranh chấp với ông Nguyễn Văn C, do ông C chặt cây do ông trồng trên phần đất này, ông ngăn cản thì ông C xác định phần đất biềng làm đường xỏ nước là đất của C nên tranh chấp, hiện nay ông không còn sử dụng phần đất này để làm đường xỏ nước nữa mà ông xỏ nước nhờ qua đường xỏ của ông Th có đất giáp ranh với đất của ông.

Phần đất hiện đang tranh chấp có kê khai, đăng ký với cơ quan có thẩm quyền nhưng đến nay ông chưa được cấp giấy, theo cán bộ phòng Tài nguyên và môi trường huyện Đ giải thích với ông phần đất này không được cấp giấy.

Tại đơn khởi kiện ông yêu cầu ông Nguyễn Văn C giao trả cho ông phần đất diện tích 202,5m². Tuy nhiên, qua đo đạc thực tế, phần đất tranh chấp theo các bên xác định chỉ có diện tích 202,1m², nên ông chỉ yêu cầu ông Nguyễn Văn C giao trả cho ông diện tích đất 202,1m² tại thửa số 429, 430 tờ bản đồ số 02.

Theo ông Nguyễn Văn C là bị đơn trình bày: Nguồn gốc phần đất tranh chấp của cha ông tên Nguyễn Văn K và mẹ ông là bà Nguyễn Thị M tự khai phá khoảng 13 công, loại đất nuôi trồng thủy sản và phần đất biềng ngang khoảng 08m, dài 45 mét. Đến khoảng năm 1992 cha ông chết, mẹ ông chuyển nhượng 13 công đất nuôi trồng thủy sản (đất vuông) cho ông Nguyễn Văn B với giá 2,5 lượng vàng 24k, khi chuyển nhượng có làm giấy viết tay, không có xác nhận của chính quyền địa phương. Sau đó ông B chuyển nhượng lại cho ông Đặng Minh Đ phần đất nuôi trồng thủy sản. Đối với phần đất biềng (hiện đang tranh chấp) gia đình ông không chuyển nhượng cho ông B. Sau khi chuyển nhượng đất cho ông B thì bà M chết và ông quản lý sử dụng phần đất biềng này đến nay và phần đất này cha mẹ ông cũng như ông chưa được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Quá trình ông sử dụng không tranh chấp, đến tháng 6/2019 ông đào đất cất nhà thì ông Đ ngăn cản, ông Đ xác định đất của ông Đ nên phát sinh tranh chấp. Nay ông xác định phần đất tranh chấp của cha mẹ ông để lại, không phải đất của ông Đ, nên không đồng ý giao trả theo yêu cầu của ông Đ.

Theo ông Nguyễn Văn B là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Phần đất ông chuyển nhượng cho ông Đặng Minh Đ có nguồn gốc của ông Nguyễn Văn T1 chuyển nhượng cho ông năm 1994, giấy chuyển nhượng ghi tên Nguyễn Văn L là người nhận chuyển nhượng (ông L là con ông) phần đất diện tích 13 công tầm cây. Sau đó, ông chuyển nhượng lại cho ông Đặng Minh Đ 07 công tầm cây, chuyển nhượng lại cho ông Nguyễn Văn Th 06 công tầm cây. Khi ông nhận chuyển nhượng phần đất nuôi trồng thủy sản từ ông T1 thì có nhận chuyển nhượng cả đường mương xỏ nước ngang 03m, dài 40m, nhưng khi ông chuyển nhượng đất cho ông Đ thì ông không chuyển nhượng phần đường xỏ nước hiện đang tranh chấp mà ông để cho ông Đ và ông T sử dụng chung phần đường nước này. Nay ông xác định phần đất tranh chấp là đường xỏ nước ông không chuyển nhượng cho ông Đ.

Theo ông Nguyễn Văn T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 1992 ông nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích 6,5 công tầm cây, ông Đ cũng nhận chuyển nhượng đất từ ông B. Phần đường nước thì sử dụng chung, ông B không chuyển nhượng cho ai, phần đường nước ngang 03m, dài 45m, nay ông xác định ông không có ý kiến, yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp giữa ông Đặng Minh Đ và ông Nguyễn Văn C.

Theo ông Trần Ngọc Th là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trình bày: Năm 1995 ông nhận chuyển nhượng của ông Quách Văn Kh phần đất nuôi trồng thủy sản diện tích khoảng 13 công. Khi nhận chuyển nhượng đất bao gồm cả đường thoát nước từ phần đất của ông chạy dài ra tới sông. Sau khi nhận chuyển nhượng đất ông quản lý, sử dụng đến nay. Trong quá trình sử dụng đất ông có cho ông Đặng Minh Đ và ông Nguyễn Văn T cùng sử dụng đường thoát nước trên phần đất của ông. Nay ông xác định đường xỏ nước này là của chung, không của riêng ai và ông không có yêu cầu gì trong vụ án này.

Theo Nguyễn Thị Đ, bà Nguyễn Thị A và ông Nguyễn Văn K là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan thống nhất trình bày: Phần đất hiện đang tranh chấp

giữa ông Đ và ông C có nguồn gốc của cha mẹ để lại, phần đất này trước nay gia đình sử dụng và để cho ông Nguyễn Văn C quản lý, sử dụng. Nay ông, bà không có yêu cầu gì đối với phần đất tranh chấp diện tích 202,1m², tại thửa số 429, 430 tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấ 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Từ nội dung trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh Đ đối với ông Nguyễn Văn C, yêu cầu ông Nguyễn Văn C giao trả phần đất diện tích 202,1m², tại thửa số 429 và 430, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấ 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, (kèm theo vị trí, số đo các cạnh).

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đặng Minh Đ đòi ông Nguyễn Văn C giao trả phần đất diện tích 0,4m².

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn tuyên về chi phí xem xét, thẩm định, định giá tài sản; án phí dân sự sơ thẩm; quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

Ngày 04/4/2022 nguyên đơn ông Đặng Minh Đ có đơn kháng cáo, yêu cầu cấp phúc thẩm buộc ông C giao trả phần đất lấn chiếm là đường xỏ nước chiều ngang 03m, dài 45m, diện tích 202,1m². Tại phiên tòa, ông Đặng Minh Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Phát biểu tranh luận và đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

- Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến thời điểm xét xử thấy rằng Thẩm phán Chủ tọa phiên tòa, các Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và các đương sự đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, nên Kiểm sát viên không có ý kiến bổ sung thêm phần thủ tục tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ông Đặng Minh Đ không đưa ra được chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo của mình, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông là có căn cứ, đúng quy định pháp luật. Vì vậy, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh Đ, áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về mối quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết của Tòa án: Yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là đòi lại quyền sử dụng đất, nên đây là vụ án tranh

chấp về đất đai, theo quy định tại khoản 9 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự. Do tranh chấp về đất đai và phần đất tranh chấp tọa lạc tại Ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm c khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự có mặt của đương sự: Bị đơn và những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ lần thứ 2 nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt những người này.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Đặng Minh Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn C giao trả phần đất diện tích 202,1m², thuộc một phần thửa số 429 và 430, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[2.1] Căn cứ biên bản đo đạc, xem xét thẩm định phần đất tranh chấp có vị trí, số đo các cạnh như sau:

Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Trần Ngọc Th, cạnh dài 45m.

Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C, cạnh dài 45m.

Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Đặng Minh Đ, cạnh dài 02m.

Cạnh hướng Bắc giáp phần đất sông Xóm Lá, cạnh dài 07m.

[2.2.] Hiện trạng phần đất tranh chấp là đất biềng nằm giáp mé sông, do phù sa bồi lắng hiện không phải là đường xỏ nước, trên phần đất có nhiều cây mắm và cây tạp mọc. Theo ông Đ xác định từ năm 2019 đến nay ông không xỏ nước ra sông trên phần đất tranh chấp, hiện nay ông đang xỏ nước nhờ qua đường xỏ trên phần đất của ông Th.

[2.3] Xét nguồn gốc đất và quá trình sử dụng đất của ông Đ, nguồn gốc đất do ông Đ nhận chuyển nhượng của ông Nguyễn Văn B, thấy giấy tay chuyển nhượng đất đề ngày 10/9/1998 do ông Đ cung cấp có nội dung “...nay tôi chuyển nhượng cho ông Đặng Minh Đ phần đất 8 công tầm cây bằng số vàng 20 chỉ vàng 24k. Còn đường nước thẳng ra sông thì em Đ và em T xỏ chung đường nước không ai được ngăn cản...”. Như vậy, căn cứ theo giấy nhượng đất này thì phần đường nước (phần đất hiện đang tranh chấp) ông B không chuyển nhượng cho ông Đ. Thực tế sau khi nhận chuyển nhượng đất ông Đ chỉ kê khai, đăng ký và được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng phần đất nhận chuyển nhượng, phần đất tranh chấp ông Đ không kê khai, đăng ký và không được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lời khai của ông Nguyễn Văn B xác định khi chuyển nhượng đất cho ông Đ ông không chuyển nhượng phần đất là đường xỏ hiện đang tranh chấp, mà đây là đường thoát nước chung của cả ông Đ, ông T, ông Th. Mặc dù trong quá trình sử dụng đất ông Đ có sử dụng phần đất đường xỏ này để thoát nước, nhưng căn cứ để xác định phần đất tranh chấp thuộc quyền sử dụng riêng của ông Đ thì ông Đ không có chứng cứ để chứng minh. Do đó, không có căn cứ để xác định phần đất tranh chấp là của ông Đ, cấp sơ thẩm xử không chấp nhận yêu cầu của ông Đ là có căn cứ, cấp phúc thẩm không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông

Đ, cần giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

[3] Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa. Hội đồng xét xử xét thấy, đề nghị của Kiểm sát viên là có căn cứ, phù hợp pháp luật nên được chấp nhận.

[4] Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu không có kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Minh Đ là người cao tuổi có đơn xin miễn nộp án phí, căn cứ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, ông Đ được miễn nộp.

Vì các lẽ nêu trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của ông Đặng Minh Đ, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DSST ngày 23/3/2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 9 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 157; 158; 165; khoản 2 Điều 244; khoản 3 Điều 296 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 95, điểm b khoản 2 Điều 203 Luật đất đai; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 1 Điều 29 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Đặng Minh Đ đòi ông Nguyễn Văn C giao trả phần đất diện tích 202,1m², tại thửa số 429 và 430, tờ bản đồ số 02, tọa lạc tại Ấp 2, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu, phần đất có vị trí, số đo các cạnh cụ thể sau:

- Cạnh hướng Đông giáp phần đất ông Trần Ngọc Th có số đo 45m.
- Cạnh hướng Tây giáp phần đất của ông Nguyễn Văn C có số đo 45m.
- Cạnh hướng Nam giáp phần đất của ông Đặng Minh Đ có số đo 02m.
- Cạnh hướng Bắc giáp phần đất sông Xóm Lá có số đo 07m.

2. Đình chỉ giải quyết yêu cầu của ông Đặng Minh Đ yêu cầu ông Nguyễn Văn C giao trả phần đất diện tích 0,4m².

Bản hiện trạng khu đất tranh chấp do Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện Đ lập năm 2020, được kèm theo Bản án và là bộ phận không thể tách rời của Bản án.

3. Về chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, định giá tài sản 1.353.880đ ông Đặng Minh Đ phải chịu toàn bộ, ông Đặng Minh Đ đã nộp xong.

4. Về án phí dân sự phúc thẩm: Ông Đặng Minh Đ được miễn nộp.

5. Các phần Quyết định khác của Bản án dân sự sơ thẩm số 27/2022/DS-ST ngày 23 tháng 3 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án dân sự phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. HCM;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện Đ;
- CCTHADS huyện Đ;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Bùi Anh Tuấn